BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 18/11	Sáng	1		Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)				Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		2													Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)	Hóa học 3 Trịnh Thị Phong Lan (H5.101)						
		3																			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		4																				
		5																			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất tính hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)						Kế toán quản trị Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)	Công nghệ mạng không dây Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			
		7																				
		8											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)					
		9												Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)					Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			
		10																				
Thứ 3 19/11	Sáng	1		Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)			Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						
		2																				
		3													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)						
		4													Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)						
		5																				
	Chiều	6					Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh (TV_THI TN05)	Công nghệ mạng không dây Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Toán 3 Nguyễn Thị Huyền (H5.104)	Ngữ văn 3 Trần Thị Kim Liên (H5.103)		Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)
		7																				
		8																Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)
		9											Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)				Ngữ văn 3 Lê Thị Tố Quyên (H5.102)					
		10																				
Thứ 4 20/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62CCT1	62CĐC1	62CĐH1	62CĐL1	62CĐT1	62CGK1	62CKT1	62CQM1	62CS1	62CS2	62TCĐC1	62TCĐL1	62TCĐT1	62TCGK1	62TCKT1	62TCQM1	62TCS1	62TVĐC10_YL	62TVĐC1	62TVĐC2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 21/11	Sáng	1		Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)		Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)				Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)	Toán 3 Nguyễn Tiến Hiển (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
		2																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		3																			Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)
		4																				
		5																			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)					Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Kế toán quản trị Lương Thị Hương (H3.106_Khoa SP- KT)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			Vật lý 3 Chu Thị Tính (H5.102)	Hóa học 3 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.103)			
		7											Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			Hóa học 3 Nguyễn Thị Tuyến (H5.102)	Vật lý 3 Nguyễn Hoài Anh (H5.104)	Hóa học 3 Trần Thị Hằng (H5.103)			
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 6 22/11	Sáng	1		Năng lượng tái tạo Nguyễn Duy Thanh (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Lập trình điều khiển hệ thống tự động hoá toà nhà - KNX Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)	Mạng truyền thông công nghiệp Trần Quốc Phương (X22.204)	Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)		Sửa chữa máy in và thiết bị ngoại vi Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Bảo dưỡng sửa chữa Thân xe Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)											
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)			Hệ thống điều hòa không khí trung tâm nước Nguyễn Tiến Nghĩa (X22.308)		Sửa chữa, bảo dưỡng thiết bị cơ khí Đỗ Anh Tuấn (X10.101_PHLT Khoa CK)	Thực hành kế toán Excel Trần Việt Anh (TV_THI TN05)			Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 3 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÁM MÁT+ SẢNH TẦNG 2)	Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			Toán 3 Nguyễn Văn Trường (H5.102)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Toán 3 Kim Thành Nam (H5.103)			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				
Thứ 7 23/11	Sáng	1	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)												Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 3 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)
		2																				
		3																			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.202)
		4													Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)	Vật lý 3 Phạm Thanh Mai (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.202)
		5																			Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.202)
	Chiều	6	Tìm lỗi, kiểm tra và hiệu chỉnh hệ thống và thiết bị đo lường , điều khiển (Lập trình PLC - Hệ thống sản xuất linh hoạt) Trần Quốc Phương (X22.204)																			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025

Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 18/11	Sáng	1											CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)			CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
		2											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		3											Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						
		7										Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)
		8	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)						
		9	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.401)																		Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		10																				Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
Thứ 3 19/11	Sáng	1											Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.202)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)				
		2											Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.202)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		3											CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.202)	Toán 12_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)				
		4											Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.202)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.404)				
		5																				
	Chiều	6	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.403)						
		7																				Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)
		9										Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.403)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		10	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.401)																		
Thứ 4 20/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVĐC3	62TVĐC4	62TVĐC5_BX	62TVĐC6_BX	62TVĐC7_YL	62TVĐC8_YL	62TVĐC9_YL	62TVĐH1_YL	62TVĐH2_YL	62TVĐL1	62TVĐL2	62TVĐL3	62TVĐL4_VT	62TVĐT1	62TVĐT2	62TVĐT3	62TVĐT4_VT	62TVĐT5_VT	62TVĐT6_VT	62TVGK1
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 21/11	Sáng	1												Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.404)				
		2																				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4												CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		5												Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.404)				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		7	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.403)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.406)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)
		8	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.401)								CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.401)								Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
		10	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.401)																		CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)
Thứ 6 22/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.401)								Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.403)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.406)					Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)
		7											Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.406)					
		8	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.401)								Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)				Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.403)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)
		9											Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)				Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.406)					
		10										Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)				Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.403)						
Thứ 7 23/11	Sáng	1												Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.404)				
		2																				
		3												Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 18/11	Sáng	1													Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)					Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.407)
		2																	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)		
		3													CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)					CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		4													Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)			Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
		5																	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.407)
	Chiều	6			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.406)	Vật lí 12_1 Chu Thị Tính (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.402)				
		7																				
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)			Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.406)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		9			Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.101)										
		10					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)			Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.406)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.101)						Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
Thứ 3 19/11	Sáng	1					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)			Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.107)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.406)	
		2					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuý (H5.103)										
		3					Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)			Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.103)			Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)		CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Trần Thị Kim Liên (H5.107)		
		4					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.103)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	
		5													Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)				Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.406)	
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)										CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		7														Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)						Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)
		8			Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.204)												Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.402)				
		9			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)										Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)		Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		10																				Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.407)
Thứ 4 20/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVHA1_LT	62TVHA2_LT	62TVKT1	62TVKT2	62TVKT3	62TVKT4_LT	62TVKT5_LT	62TVLG1	62TVLG2	62TVMT1	62TVMT2_BX	62TVMT3_BX	62TVQM1	62TVQM2	62TVQM3	62TVS1	62TVS2	62TVS3	62TVVP1	62TVVP2
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 21/11	Sáng	1								Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)				Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)		Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		
		2								CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.106)					Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)			Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.406)	
		3								Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.106)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)		Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)				Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)
		4								Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.106)				Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)		Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Sinh học 12_1 Lê Thị Thảo (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.406)	
		5																				Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)
	Chiều	6			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		7			Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.204)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)					Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.402)				
		8			CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)												Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.402)				
		9			Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Địa lí 12_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)					Toán 12_1 Nguyễn Văn Trường (H5.101)						Toán 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
		10																CCĐ Toán học 12_1 Kim Thành Nam (H5.402)				
Thứ 6 22/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 12_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)				Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)	Lịch sử 12_1 Lưu Yến Ngọc (H5.101)						Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)	Vật lí 12_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.402)				
		7			Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)																
		8								Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)	Địa lí 12_1 Khổng Thị An Giang (H5.101)						Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)				
		9			Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.204)				Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.407)					
		10								CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.101)						Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)					
Thứ 7 23/11	Sáng	1					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)					Hoá học 12_1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)			Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)			CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Vật lí 12_1 Phạm Thanh Mai (H5.406)	Địa lí 12_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.407)
		2													Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)				Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Toán 12_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.107)	Hoá học 12_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.406)	
		3					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)					Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.104)				CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.107)		CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		4													Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)			Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Hoá học 12_1 Trần Thị Hằng (H5.107)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.407)
		5													CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)					CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.406)	Lịch sử 12_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.407)
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 18/11	Sáng	1				Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)		Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (X22.301)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)				Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHỞI ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)			Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình ()	Lý thuyết điều khiển tự động Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Tiếng anh 3 Nguyễn Thị Nhàn (X22.301)	Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Marketing Trần Huy Quảng (H3.206_Khoa SP- KT)	Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHỞI ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.307)		
		7																				
		8	Địa lí 12_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.407)														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
		9																				
		10																	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
Thứ 3 19/11	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)			Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)		Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)	Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHỞI ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3	CCĐ Toán học 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)																			
		4	Hoá học 12_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6			Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình ()	Lý thuyết điều khiển tự động Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)	Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.105_Khoa SP- KT)					Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.307)		
		7															CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)					
		8															Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)		
		9																	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		10															Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)					
Thứ 4 20/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			62TVVP3	62TVVP4_BX	63CĐC1	63CĐC2	63CĐH1	63CĐL1	63CĐT1	63CGK1	63CKT1	63CLG1	63CS1	63CS2	63CS3	63CTT1	63TĐC1	63TĐC1A	63TĐC2	63TĐC3	63TĐC4_YL	63TĐC5_YL
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 21/11	Sáng	1	Toán 12_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.407)			Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)	Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Kế toán doanh nghiệp II Lương Thị Hương (H3.208)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Đinh Quang Vinh (X11.308.PHÒNG HỌC TRUYỀN LỰC, PHANH & TREO LÁI + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2	Vật lí 12_1 Nguyễn Thị Vân (H5.407)																			
		3																				
		4	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)																			
		5																				
	Chiều	6			Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)	Trang bị điện Trịnh Xuân Bình ()	Lý thuyết điều khiển tự động Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)	Tiện Bùi Thị Len ()	Thuế Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)	Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa trang bị điện và hệ thống thông tin 1 Phạm Ngọc Anh (X11.305_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		7															Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)		CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.307)		
		8																	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		
		9															Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)					
		10																				
Thứ 6 22/11	Sáng	1				Trang bị điện Trịnh Xuân Bình (X23.208.Phòng học PLC)		Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)	Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)	Thuế Trần Việt Anh (H3.105_Khoa SP- KT)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Dương Mạnh Hà (X11.208.PHÒNG HỌC CƠ KHÍ ĐỘNG CƠ - 1 + SẢNH TẦNG 2)	Photoshop Lê Xuân Chung (H3.211_TH Tin Đại cương)		Máy điện Trần Thị Thơm (X23.104_Xưởng TH Khoa Điện)	Máy điện Lỗ Văn Ba (X23.105.TH Đo lường điện)	Máy điện Hoàng Văn Hùng (X23.305.Phòng học Rô bốt Công nghiệp)	Cung cấp điện Nguyễn Văn Tỉnh ()	Cung cấp điện Nguyễn Trung Tuệ ()
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6	Sinh học 12_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.407)		Tiếng anh chuyên ngành Đặng Việt Hùng (X23.204.Phòng học Khí nén + Thủy lực)		Lý thuyết điều khiển tự động Trần Văn Kiên (X23.203.Phòng học Điện tử)	Kỹ thuật lạnh cơ bản Nguyễn Trí Đức (X22.304)	Điện tử cơ bản Phạm Đức Tùng (X22.103)	Tiện Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)		Nhận xuất hàng Đặng Thị Thu Hà (H3.105_Khoa SP- KT)				Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.307)		
		7															CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)					
		8	Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)		Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)	Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.307)		
		9	CCĐ Ngữ văn 12_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.407)														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)		Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.307)		
		10	Lịch sử 12_1 Lê Thị Quyên (H5.407)					Ktra: Tiếng anh 3-1-1-2024(N04) (...)	Ktra: Tiếng anh 3-1-1-2024(N05) (...)										CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)		
Thứ 7 23/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 2 18/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Thuế Lương Thị Hương (H3.205_Khoa SP-KT)	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		7																				
		8														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
		9																				
		10																		CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
Thứ 3 19/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Marketing Trần Huy Quảng (H3.205_Khoa SP-KT)		Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6								LĐ						Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		7														CCĐ Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)		
		8														Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.304)				CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.302)
		9																		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)	Tin học 11_1 Võ Lệ Thu (H5.302)
		10														Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)						
Thứ 4 20/11	Sáng	1																				
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6																				
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

LỚP			63TĐC6_YL	63TĐC7_YL	63TĐC8_BX	63TĐC9_BX	63TĐH1_YL	63TĐH2_YL	63TĐL1	63TĐL1A	63TĐL2	63TĐT1	63TĐT2	63TĐT3_VT	63TĐT4_VT	63TGK1	63TGK1A	63TGK2A	63THA1_LT	63TKT1	63TKT2	63TKT3
THỨ	BUỔI	TIẾT																				
Thứ 5 21/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()			Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	PLC cơ bản Lê Kiên Cường (X22.203)	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	Trang bị điện Triệu Đình Sơn (X22.104)	Kỹ thuật số Phạm Ngọc Ánh (X22.108)	Điện tử tương tự Hoàng Quyết Tiến (X22.102)			Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)		Marketing Trần Huy Quảng ()	Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Thuế Trần Việt Anh (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6														Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.304)					Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.302)
		7																				
		8														Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		9																		Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		10														Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.304)				Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)		
Thứ 6 22/11	Sáng	1	Thiết bị điện gia dụng Đoàn Mạnh Hà ()	Thiết bị điện gia dụng Nguyễn Bá Thanh ()	Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()	Thiết bị điện gia dụng Phạm Quang Thắng ()	Thiết bị điện gia dụng Cao Thị Thu ()	LĐ	PLC cơ bản Nguyễn Thị Thanh Thúy (X22.109)	LĐ			Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)		Tiện Nguyễn Thị Hạnh (TT.Tiện-Phay- bào)	Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()		Tài chính doanh nghiệp Đặng Thị Thu Hà (H3.206_Khoa SP- KT)	Tài chính doanh nghiệp Bùi Thu Trang (H3.106_Khoa SP- KT)
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()				Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()		Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.302)
		7														CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.304)				Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)		
		8														Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.304)				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)
		9														Vật lý 11_1 Nguyễn Thị Vân (H5.304)				Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)	CCĐ Hóa học 11_1 Nguyễn Thu Trang (H5.302)
		10																		Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.302)
Thứ 7 23/11	Sáng	1			Cung cấp điện Nguyễn Anh Đức ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()	Tiện Chu Mạnh Hùng (X10.204_PHLT Khoa CK)			Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			
		2																				
		3																				
		4																				
		5																				
	Chiều	6			Điện tử cơ bản Hoàng Văn Quân ()	Điện tử cơ bản Chu Quốc Thái ()								Tách: Kỹ thuật số-1-1-2024(N03) Lưu Quang Hưng (...) Kỹ thuật số-1-1-2024(N04) Nguyễn Chí Thành (...)	Điện tử công suất Nguyễn Văn Chiều ()				Kiểm tra – Đánh giá chất lượng mối hàn Hồ Sĩ Khương ()			
		7																				
		8																				
		9																				
		10																				

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 2 18/11	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Lập trình căn bản Vũ Lệ Thu (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.201)
		7											Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.404)			
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)		Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.203)						Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9											Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.301)			Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)			
		10				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)						CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
Thứ 3 19/11	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÔI TRƠN - LÀM MÁT+ SÂNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)			Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.301)			Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.404)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Hóa học 11_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		7				Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)							Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)	Tin học 11_1 Vũ Lệ Thu (H5.301)							Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.202)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.201)
		9				Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)							Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.201)
		10				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)															Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
Thứ 4 20/11	Sáng	1																			
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6																			
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

LỚP			63TKT4_LT	63TKT5_LT	63TLG1_BX	63TMT1	63TMT1A	63TMT2_BX	63TMT3_BX	63TQM1	63TQM1A	63TQM2	63TQM3	63TQM4	63TQM5_BX	63TQM6_BX	63TS1	63TS2	63TS3	63TS4	63TVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																			
Thứ 5 21/11	Sáng	1				Thiết kế mạng LAN Nguyễn Tuấn Mạnh (H3.203_TH Máy tính)				Kỹ thuật điện – điện tử Lê Hoàng (H2.301_TH LR Máy tính)		Tin học văn phòng Phan Hoàng Lan (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương (H3.209.TH Tin học)	Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	Bảo trì máy tính Tạ Ngọc Dũng (H3.204.TH KHOA TIN)
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6				Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)			Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.301)			Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Địa lý 11_1 Dương Thị Hồng (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		7								Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)		Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thúy (H5.203)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.301)					Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	
		8				CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)		Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.203)					CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Phạm Thanh Mai (H5.404)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)
		9								Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)		Sinh học 11_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	Toán 11_1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.202)	
		10																			
Thứ 6 22/11	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()						Kỹ thuật điện – điện tử Lê Sơn Thảo (H2.302_TH QTM)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Lê Ngọc Viện (X11.206.PHÒNG HỌC BÓI TRƠN - LÁM MÁT+ SÁNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Nguyễn Tiến Dũng (X11.307.PHÒNG HỌC HỘP SỐ TỰ ĐỘNG, ABS + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 2 Hoàng Văn Lợi (X11.304 + SÁNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa động cơ trên ô tô 2 Bạch Trọng Hưng (X11.303_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÁNH TẦNG 3)	
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)	Thiết kế mạng LAN Tạ Văn Khoa (H3.203_TH Máy tính)	Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()		Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Kỹ thuật điện – điện tử Hoàng Tùng (H3.201_TH KTXS)	Lịch sử 11_1 Lê Thị Quyên (H5.203)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.202)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		7				CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)											Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.404)			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.201)
		8				Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)				Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)					Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.202)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.201)
		9				Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)				Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)		Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.203)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)	CCĐ Toán 11_1 Hà Thị Duyên (H5.301)			Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.202)	
		10								CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)		CCĐ Vật lý 11_1 Chu Thị Tính (H5.203)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.301)			CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Tiến Hiển (H5.404)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Lịch sử 11_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.202)	Địa lý 11_1 Khổng Thị An Giang (H5.201)
Thứ 7 23/11	Sáng	1	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()			Tiếng anh chuyên ngành Tạ Ngọc Dũng ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()						Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					
		2																			
		3																			
		4																			
		5																			
	Chiều	6	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Kế toán doanh nghiệp I Lương Thị Hương ()	Bảo quản hàng hóa Phan Thanh Đạt ()			Tin học văn phòng Nguyễn Tuấn Mạnh ()	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng ()						Tin học văn phòng Kim Thị Thương ()	Lập trình căn bản Nguyễn Thị Hường ()					
		7																			
		8																			
		9																			
		10																			

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 18/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.108_CNTT)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)		Khí cụ điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Tin học 11_1 Phan Hoàng Lan (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)			Khí cụ điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện – điện tử Lê Kiến Cường (X22.104)		Quản trị học Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)		Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																		
		8	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.303)	Tin học 11_1 Nguyễn Thị Hường (H5.306)															
		9	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)																
		10			CCĐ Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
Thứ 3 19/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.108_CNTT)	Vẽ kĩ thuật Bùi Thị Len (X10.203_PHLT Khoa CK)		Khí cụ điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)					Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SẢNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)				Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)	Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiến Cường (X22.104)		Quản lý kho bãi Đặng Thị Thu Hà (H3.205_Khoa SP-KT)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SẢNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)															
		8	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	CCĐ Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Trần Thị Thanh Hòa (H5.303)	Địa lý 11_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.306)															
		10																		
Thứ 4 20/11	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			63TVP2	63TVP3	63TVP4	64CCK1	64CCT1	64CĐC1	64CĐH1	64CĐL1	64CĐT1	64CKT1	64CLG1	64CQM1	64CS1(JP)	64CS2	64CS3	64CTM1	64CTT1	64CVP1
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 21/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)	Cấu trúc dữ liệu và giải thuật Quách Thu Thảo (H3.108_CNTT)			Khí cụ điện Phan Thị Lý (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)			Quản trị học Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)		Tiếng Nhật (H3.103)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)	Sinh học 11_1 Lê Thị Thảo (H5.303)		Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.203_PHLT Khoa CK)		Khí cụ điện Phan Thị Lý (X23.103_Xưởng TH Khoa Điện)	Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÂNH TẦNG 3)	Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)			Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																		
		8	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.303)	Toán 11_1 Kim Thành Nam (H5.306)															
		9			Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)															
		10			Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															
Thứ 6 22/11	Sáng	1	Bảo trì máy tính Nguyễn Tuấn Hưng (H3.111_TH THCB)	Bảo trì máy tính Phùng Ngọc Hùng (H3.110_TH THCB)						Điện tử cơ bản Dương Thanh Huệ (X22.302)	Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)				Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Vũ Quang Anh (X11.306_01.PHÒNG HỌC ĐIỆN & ĐIỀU HÒA NHIỆT ĐỘ Ô TÔ + SÂNH TẦNG 3)		Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Trần Hanh (X11.302_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SÂNH TẦNG 3)			
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Nguyễn Thị Thanh Thùy (H5.303)	Ngữ văn 11_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Kĩ thuật đo lường Nguyễn Thị Hạnh (X10.204_PHLT Khoa CK)			Khí cụ điện Nguyễn Duy Thanh (X23.102_Phòng LT Khoa Điện)		Khí cụ điện – điện tử Lê Kiên Cường (X22.104)		Quản trị học Bùi Thu Trang (H3.205_Khoa SP-KT)			Bảo dưỡng sửa chữa gầm truyền lực 1 Nguyễn Quang Tiến (X11.209_TH Động cơ + SÂNH TẦNG 2)				Lắp ráp và cài đặt máy tính Lê Xuân Chung (H3.204.TH KHOA TIN)	
		7																		
		8	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Hóa học 11_1 Trần Thị Hằng (H5.306)															
		9			Vật lý 11_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.306)															
		10	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	CCĐ Hóa học 11_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.303)	Lịch sử 11_1 Lưu Yến Ngọc (H5.306)															
Thứ 7 23/11	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 2 18/11	Sáng	1	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		2		CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)				Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.401)
		3	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)					Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.302)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.204)	
		4	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)			Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5		Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)				Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)				CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
	Chiều	6		Tin học Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Vật liệu điện Cao Thị Thu ()	An toàn điện Nguyễn Thị Hương ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.208)	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 3 19/11	Sáng	1	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.401)
		2						Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)									Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.401)
		3	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)		Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	
		4		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.307)			CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
		5	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)				Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.204)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.401)
	Chiều	6		Tin học Quách Thu Thảo (H2.102_TH Tin Ứng dụng)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên (H3.101)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Vật liệu điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)	Vật liệu điện Cao Thị Thu ()	An toàn điện Nguyễn Thị Hương ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)	Ktra: Tin học-1-1-24(N08) Lê Hoàng (H2.203_TH Tin Đại cương)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.103)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.208)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 4 20/11	Sáng	1																		
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

LỚP			64TCK1	64TCK2	64TCT1	64TCT1A	64TĐC1	64TĐC2	64TĐC3_YL	64TĐC4_YL	64TĐH1	64TĐH2_YL	64TĐL1	64TĐL1A	64TĐP1	64TĐT1	64TĐT2	64TGK1A	64TKT1	64TKT2
THỨ	BUỔI	TIẾT																		
Thứ 5 21/11	Sáng	1	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)		CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)
		2	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)		Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)			Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)	Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.302)		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		3	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)													CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			
		4	Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)			Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N04) (TV_THI TN01)	Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N05) (TV_THI TN02)						Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)			Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)		
		5				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)		
	Chiều	6			Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Vật liệu điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)			Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	An toàn điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.208)	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 6 22/11	Sáng	1			Tiếng Anh 1 Nguyễn Hồng Yên ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()				Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N06) (TV_THI TN05)			Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)	Tiếng Anh 1 Trịnh Thị Kim Thu (H3.103)		Tiếng Anh 1 Hà Ngọc Tân (H3.207)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H5.102)	
		2																		
		3																		
		4																		
		5																		
	Chiều	6	Tin học Vũ Lệ Thu (H2.203_TH Tin Đại cương)			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()	Vật liệu điện Nguyễn Bá Thanh (X23.107.Phòng học Trang bị điện - 2)	Vật liệu điện Phạm Quang Thắng (X23.106.TH Phòng học Trang bị điện - 1)				An toàn điện Nguyễn Văn Tĩnh ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()			Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()		Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N12) (TV_THI TN03)
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		
Thứ 7 23/11	Sáng	1	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)			Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)		Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.302)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Ngữ văn 10_1 Lê Thị Tố Quyên (H5.204)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thuỷ Ngọc (H5.401)
		2												Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)					
		3	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)			Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.302)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.204)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.401)
		4		Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)		Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)	Ngữ văn 10_1 Tạ Thị Bích Hồng (H5.302)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.204)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.401)
		5			CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)					Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)			Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.302)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.204)	
	Chiều	6																		
		7																		
		8																		
		9																		
		10																		

BỘ NN & PTNN
TRƯỜNG CĐ CKNN

THỜI KHÓA BIỂU HỌC KỲ 1 NĂM HỌC 2024-2025
Tuần 17: Từ 18/11 Đến 24/11/2024

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 2 18/11	Sáng	1		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2			Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)									CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Vân (H5.306)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)	Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.403)
		3				Vật lý 1 Nguyễn Thị Vân (H5.103)		Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)		Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.304)	Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.301)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.306)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.304)			Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)			
		5			CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)		CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)	Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.104)				Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	CCĐ Hóa học 10_1 Trần Thị Hằng (H5.402)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Pháp luật Nguyễn Thị Hoàn (H3.207)	Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)			Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)				Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)		
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 3 19/11	Sáng	1		Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Pháp luật Lương Thị Ngọc Hà (H3.101)	Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.303)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.104)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.304)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Địa lý 10_1 Dương Thị Hồng (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		2			CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.104)	Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.203)				CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Anh Văn (H5.403)
		3			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.304)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.402)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.301)			
		4		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)		Lịch sử 10_1 Lưu Yến Ngọc (H5.303)	Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.104)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Văn (H5.307)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Thu Hương (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)	Công nghệ 10_1 Hồ Sĩ Khương (H5.402)		Ngữ văn 10_1 Trần Thị Kim Liên (H5.306)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
		5			CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)		CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Quyền (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)							Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.301)		CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Văn Trường (H5.403)
	Chiều	6		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.207)		Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)	Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.107_CNTT)			Tin học Phùng Thị Minh Phương (H3.211_TH Tin Đại cương)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.108_CNTT)	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.108_CNTT)
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 4 20/11	Sáng	1																	
		2																	
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6																	
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	

LỚP			64TKT3_BX	64TLĐ1A	64TLG1	64TLG1A	64TMT1	64TQM1	64TQM1A	64TQM2	64TQM3	64TQM4	64TS1	64TS2	64TS3_BX	64TVP1	64TVP2	64TVP3	64TVP4
THỨ	BUỔI	TIẾT																	
Thứ 5 21/11	Sáng	1		Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Hóa học 10_1 Nguyễn Thị Tuyến (H5.303)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Ngọc Mạnh (H5.201)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	CCĐ Vật lý 10_1 Phạm Thanh Mai (H5.307)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.203)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)		CCĐ Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.301)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.306)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	CCĐ Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		2		Toán 1 Hà Thị Duyên (H5.102)		Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Kim Thúy (H5.201)		Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)				Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)			
		3			Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.303)				CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)			Lịch sử 10_1 Lê Thị Quyên (H5.301)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)	Vật lý 10_1 Chu Thị Tính (H5.403)
		4		Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.102)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)							CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.402)		Công nghệ 10_1 Phan Thanh Đạt (H5.301)			
		5				Toán 1 Nguyễn Quốc Khánh (H5.103)												Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)	Công nghệ 10_1 Nguyễn Văn Bảy (H5.403)
	Chiều	6		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim (Nhà thi đấu_01)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn (H3.101)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()		Lịch sử 1 Lưu Yến Ngọc (H5.407)				Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.107_CNTT)	Tin học Nguyễn Đức Nam (X11.204_Phòng LT Khoa CN Ô tô + SẢNH TẦNG 2)		Tin học Lê Sơn Thảo (H3.210_TH Tin Ứng dụng)			
		7																	
		8																	
		9							Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.407)										
		10																	
Thứ 6 22/11	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Giáo dục chính trị Lê Thanh Tâm (H3.101)		Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()		Giáo dục thể chất Nguyễn Xuân Kim ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H5.101)	Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N16) (TV_THI TN02)				Tiếng Anh 1 Trần Thu Hường (H3.208)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()				
		2					Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N06) (TV_THI TN05)											Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		3																	
		4																	
		5																	
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()		Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Thành Đông ()	Giáo dục chính trị Lương Thị Ngọc Hà (H3.207)				Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.208)	Pháp luật Lê Thanh Tâm (H3.208)	Tiếng Anh 1 Nguyễn Thị Nhàn (H3.101)		Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn ()				
		7						Ktra: Tiếng Anh 1-1-1-24(N15) (TV_THI TN01)										Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Chu Văn Quang ()
		8																	
		9																	
		10																	
Thứ 7 23/11	Sáng	1	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()	Lịch sử 1 Lưu Thị Thuỷ (H5.102)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Lịch sử 1 Lê Thị Quyên (H5.103)	Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.303)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.201)	Toán 1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.106)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.307)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Vật lý 10_1 Nguyễn Hoài Anh (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.304)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.402)	Giáo dục Quốc phòng và An ninh Nguyễn Văn Thành ()	Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Vật lý 10_1 Nguyễn Thị Văn (H5.306)		
		2		Vật lý 1 Nguyễn Hoài Anh (H5.102)							Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)	Lịch sử 10_1 Lưu Thị Thuỷ (H5.203)		Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.402)					
		3			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)		Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.303)	CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Hóa học 1 Nguyễn Thu Trang (H5.106)	Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	CCĐ Sinh học 10_1 Nguyễn Thị Hợp (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.304)			CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hà (H5.301)	Toán 10_1 Nguyễn Thị Huyền (H5.306)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Thanh Thủy (H5.403)
		4				Vật lý 1 Nguyễn Thị Văn (H5.103)		Địa lý 10_1 Trần Thị Thanh Hóa (H5.201)		CCĐ Toán 10_1 Hà Thị Duyên (H5.307)			Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.402)				Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)	Hóa học 10_1 Trịnh Thị Phong Lan (H5.403)
		5				Ngữ Văn 1 Nguyễn Thị Hạnh (H5.103)		CCĐ Sinh học 10_1 Lê Thị Thảo (H5.201)	Ngữ Văn 1 Nguyễn Thuý Ngọc (H5.106)	CCĐ Hóa học 10_1 Nguyễn Thu Trang (H5.307)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	Ngữ văn 10_1 Nguyễn Thị Phương Nhung (H5.203)	CCĐ Toán 10_1 Nguyễn Thị Thu Hồng (H5.304)				Địa lý 10_1 Khổng Thị An Giang (H5.306)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)	Địa lý 10_1 Nguyễn Thị Ánh Vân (H5.403)
	Chiều	6	Giáo dục thể chất Nguyễn Trung Đức ()												Giáo dục chính trị Nguyễn Thị Hoàn ()				
		7																	
		8																	
		9																	
		10																	